

Số: /TTr-ĐTQHR-KHTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt Chiến lược phát triển Viện Điều tra, Quy hoạch rừng giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1687/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc danh mục sự nghiệp công năm 2020 cho Viện Điều tra, Quy hoạch rừng (sau đây gọi là Viện); Ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng thường trực Hà Công Tuấn tại Thông báo số 6997/TB-BNN-VP ngày 23/9/2019 về việc triển khai xây dựng Chiến lược phát triển Viện Điều tra, Quy hoạch rừng, Viện đã xây dựng "Chiến lược phát triển Viện Điều tra, Quy hoạch rừng giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050" (sau đây gọi là Chiến lược), với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Thực hiện chủ trương kiện toàn bộ máy, đổi mới cơ chế nâng cao hiệu quả hoạt động

Trong trong bối cảnh hiện nay, hệ thống luật, pháp và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập có nhiều thay đổi lớn nên hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và hoạt động của Viện Điều tra, Quy hoạch rừng nói riêng phải đối mặt với nhiều khó khăn, trở ngại và bộc lộ nhiều tồn tại hạn chế dẫn đến hiệu quả hoạt động thấp.

Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương về đổi mới cơ chế quản lý hướng đến cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Tại Hội nghị lần thứ 6, BCH trung ương Đảng khóa XII đã ra Nghị quyết số 19-NQ/TW về "Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập". Việc đổi mới cơ chế quản lý hướng đến cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 đặt ra vấn đề yêu cầu các đơn vị sự nghiệp công lập phải đổi mới toàn diện cơ chế quản lý để phù hợp trong tình mới.

2. Văn bản pháp lý liên quan

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 28 tháng 11 năm 2017;
- Quyết định số 3818/QĐ-BNN-TCCB ngày 05/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Điều tra, Quy hoạch rừng.
- Quyết định số 2957/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/7/2019 sửa đổi Khoản 2, Điều

3, Quyết định số 3818/QĐ-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Cơ chế, chính sách hiện hành

- Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác;

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

- Quyết định 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư 145/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày/10/10/2016 của Chính phủ;

- Quyết định số 1322/QĐ-BNN-TCCB ngày 06/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Giao nhiệm vụ quản lý về cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Các chương trình, chiến lược phát triển ngành

- Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển xanh;

- Nghị quyết 24-NQ/TW Ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu;

- Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

- Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển nhanh và bền vững ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ phục vụ xuất khẩu;

- Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 ban hành tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Thực trạng hoạt động của Viện

4.1. Cơ cấu tổ chức và nguồn lực

a) Cơ cấu tổ chức

Viện điều tra, Quy hoạch rừng (Viện) được thành lập theo Nghị định số 140/CP ngày 29/ 01/1961 của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) với tên gọi là Cục Điều tra rừng. Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, cùng với sự lớn mạnh của ngành, Viện Điều tra, Quy hoạch rừng đã

có nhiều đóng góp to lớn cho công cuộc bảo vệ và phát triển rừng, phát triển ngành lâm nghiệp và phát triển kinh tế xã hội đất nước thông qua việc thực hiện nhiều chương trình, dự án về điều tra tài nguyên rừng, chương trình, dự án đầu tư, thiết kế quy hoạch lâm nghiệp; thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động hợp tác quốc tế và dịch vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn miền núi. Hiện Viện Viện là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tự chủ, tự đảm bảo chi thường xuyên.

Về chức năng, nhiệm vụ: Điều tra cơ bản tài nguyên rừng; quy hoạch, thiết kế rừng và đất lâm nghiệp; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; đào tạo và hợp tác quốc tế; tư vấn và dịch vụ về kỹ thuật lâm nghiệp trong phạm vi cả nước. Các nhóm nhiệm vụ chính, gồm: xây dựng trình Bộ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; thực hiện các chương trình, đề án, dự án của ngành và của Viện về điều tra, quy hoạch rừng, đất lâm nghiệp, đa dạng sinh học, bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ môi trường rừng; các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; định mức kinh tế, kỹ thuật; quy trình, quy phạm, hướng dẫn kỹ thuật; triển khai các nhiệm vụ dịch vụ khoa học kỹ thuật về điều tra cơ bản tài nguyên rừng và lâm nghiệp; quy hoạch tổng thể và chi tiết về bảo vệ, phát triển rừng và phát triển lâm nghiệp; khảo sát, thiết kế lâm nghiệp; xây dựng, cập nhật, duy trì, quản lý cơ sở dữ liệu về tài nguyên rừng; nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ trên lĩnh vực, nhiệm vụ được giao; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về điều tra, quy hoạch rừng; hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế về lĩnh vực thuộc nhiệm vụ được giao; quản lý, xây dựng và phát triển Bảo tàng Tài nguyên rừng Việt Nam và tư vấn, dịch vụ và chuyển giao công nghệ theo lĩnh vực thuộc nhiệm vụ được giao.

Về cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức của Viện gồm: Ban lãnh đạo Viện (Viện trưởng và 01 Phó viện trưởng); 3 phòng chức năng; các đơn vị trực thuộc gồm 6 Phân viện Điều tra, Quy hoạch rừng (Phân viện); 3 Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng và Bảo tàng Tài nguyên rừng.

b) Nguồn lực

- Về nhân lực: Tổng số cán bộ công nhân viên và người lao động 234 người, trong đó công chức, viên chức: 201 người; hợp đồng không thời hạn: 33 người. Cơ cấu nhân lực bộc lộ nhiều hạn chế. Số cán bộ có trình độ tiến sỹ chỉ chiếm 2%, thạc sỹ chiếm 25%. Về độ tuổi 41-50 và từ 51-60 chiếm tỷ lệ lần lượt 40% và 18%. Lực lượng lao động đã lớn tuổi và lao động nữ khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ ngoại nghiệp. Ngày càng thiếu chuyên gia, cán bộ chuyên môn sâu về các lĩnh vực quan trọng của Viện, như điều tra động, thực vật rừng; viễn thám và GIS; tin học...

- Về tài chính: Tổng kinh phí hoạt động qua các năm không ổn định, bình quân 126.000 triệu đồng, cao nhất năm 2016: 193.629 triệu đồng; thấp nhất năm 2018: 102.412 triệu đồng. Trong đó kinh phí từ các công trình vốn sự nghiệp chiếm khoảng 40%, vốn từ các công trình dịch vụ khoa học kỹ thuật chiếm 60%. Nguồn thu từ ngân sách nhà nước giảm qua các năm, trong khi nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật không ổn định.

- Về tài sản:

+ Đất đai: Tài sản là đất đai Viện đã được nhà nước xác định giá trị và giao quản lý theo cơ chế giao vốn cho đơn vị: Tổng diện tích đất được giao là 82.122,4 m² tương ứng số tiền 430.265 triệu đồng, Viện đã thực hiện giao tài sản cho các đơn vị trực thuộc theo cơ chế giao vốn cho danh nghiệp.

+ Nhà cửa, vật kiến trúc: Tổng cộng toàn Viện có 46 công trình nhà cửa, vật kiến trúc với 18.628,7 m², với tổng giá trị còn lại 44.791 triệu đồng. Do nguồn kinh phí được nhà nước cấp hàng năm để đầu tư sửa chữa lớn không có nên các tài sản là các nhà cửa các đơn vị trực thuộc tình trạng tài sản đã cũ, do thời gian sử dụng đã lâu (trên 20 năm sử dụng), tình trạng tài sản đã xuống cấp.

+ Phương tiện xe ô tô: Tổng số phương tiện 11 xe, giá trị còn lại tài sản sau khi đánh giá lại 129 triệu đồng; tình trạng xe chất lượng kém, khả năng sử dụng không hiệu quả.

+ Tài sản khác, gồm máy móc thiết bị, thiết bị dụng cụ điều tra rừng và văn phòng, giá trị còn lại 4.233 triệu đồng, hiện đang được sử dụng phục vụ sản xuất và công tác quản lý văn phòng.

4.2. Hoạt động chuyên môn

a) Điều tra cơ bản, quy hoạch lâm nghiệp

- Trong giai đoạn từ năm 1958-1975, Viện tập trung công tác điều tra tài nguyên rừng cục bộ, quy hoạch xây dựng các lâm trường các khu nguyên liệu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa ở Miền Bắc Việt Nam, như Khu Lâm nghiệp Sông Hiếu (Nghệ An), Khu nguyên liệu Hàm Yên, Bắc Quang, Khu gỗ trụ mỏ Đồng Bắc ...

- Sau khi giải phóng, thống nhất nước nhà, Viện đã tiến hành các chương trình điều tra thành lập các lâm trường, liên hiệp lâm nghiệp sản xuất, khai thác lâm sản phục vụ tái thiết đất nước.

Viện đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng luận chứng kinh tế kỹ thuật hoặc cung cấp số liệu tài nguyên rừng để thành lập các lâm trường, công ty, liên hiệp lâm công nghiệp trên cả nước cũng như xây dựng các vùng nguyên liệu trọng điểm phục vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Viện đã chủ trì quy hoạch, xây dựng luận chứng kinh tế kỹ thuật hay phương án, dự án tiền khả thi, khả thi thành lập hầu hết các khu rừng đặc dụng của cả và xây dựng các phương án quy hoạch, phương án quản lý rừng bền vững cho hầu hết các khu rừng phòng hộ cho lưu vực các con sông chính của Việt Nam. Các công trình tiêu biểu, như:

- Quy hoạch 3 loại rừng và rà soát quy hoạch lại 3 loại rừng trên địa bàn toàn quốc thống nhất theo tiêu chí chung vào năm 2006 (Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg ngày 05/12/2006 của Thủ tướng Chính phủ).

- Quy hoạch xây dựng các khu rừng nguyên liệu quan trọng trong cả nước.

- Quy hoạch xây dựng hệ thống rừng đặc dụng.

- Quy hoạch sử dụng đất trồng đồi núi trọc cho hơn 40 tỉnh lâm nghiệp trọng điểm là cơ sở xây dựng và thực hiện Chương trình 661.

- Quy hoạch xây dựng Dự án đầu tư các khu rừng phòng hộ đầu nguồn các hệ thống sông chính trên phạm vi cả nước.

- Quy hoạch phát triển các loài cây quan trọng trên phạm vi toàn quốc, như quy hoạch trồng cây gỗ lớn, quy hoạch phát triển Thông nhựa, Quế, Mắc-ca...

Một số kết quả nghiên cứu điều tra của Viện được cộng đồng khoa học trong nước và thế giới đánh giá cao, như: Biểu thể tích hai nhân tố; đặc điểm, phân bố tài nguyên rừng Việt Nam; đặc biệt là phát hiện được một số loài động, thực vật mới cho khoa học, như Sao la (*Pseudoryx nghetinhensis*); Mang lớn (*Megamuntiacus vuquangensis*); Mang trường sơn hay Mang nanh (*Canimuntiacus truongsongensis*), Bách vàng (*Callitropsis vietnamensis*) ...

Bên cạnh đó, Viện đã đóng góp dữ liệu và chuyên gia trong việc xây dựng các kế hoạch bảo vệ phát triển rừng, các đề án phát triển lâm nghiệp quan trọng; chiến lược phát triển lâm nghiệp các giai đoạn, như: Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2000-2010; Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020; Đề án hỗ trợ người dân chuyển đổi phương thức canh tác nương rẫy truyền thống sang phương thức nông lâm nghiệp; Đề án phát triển rừng ngập mặn ven biển phục vụ cho phòng chống thiên tai; Đề án trồng rừng gỗ lớn phục vụ cho chế biến xuất khẩu đồ gỗ; Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Các chương trình, dự án điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc

Ngay sau khi đất nước vừa thống nhất, giai đoạn từ năm 1979-1982 Viện đã triển khai Dự án điều tra tài nguyên rừng toàn quốc do FAO và UNDP tài trợ (Dự án VIE/76/014). Đầu năm 1983 đã công bố chính thức số liệu tài nguyên rừng toàn quốc theo một phương pháp thống nhất trên cơ sở ứng dụng kỹ thuật và công nghệ tương đối hiện đại của thế giới.

- Viện là đơn vị chủ trì, chủ lực thực hiện các dự án tổng điều tra rừng toàn quốc: Lần thứ nhất vào các năm 1991-1992; lần thứ hai, vào các năm 1998-2000 (Chỉ thị 286/ TTg) và lần thứ ba vào các năm 2013-2016.

- Cùng với công tác điều tra kiểm kê rừng, Việt Nam là một trong những quốc gia tiên phong trong việc thực hiện công tác điều tra theo dõi lâu dài và có hệ thống tài nguyên rừng quốc gia. Viện được Bộ giao thực hiện các Chương trình, dự án điều tra, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc theo chu kỳ 5 năm. Từ năm 1991 - 2020 đã được 5 chu kỳ. Kết quả các chương trình, dự án điều tra tài nguyên rừng toàn quốc đã cung cấp kịp thời và liên tục dữ liệu, thông tin về tài nguyên rừng, bao gồm: các chỉ số về trữ lượng rừng; cấu trúc, tái sinh rừng, tính đa dạng loài cây gỗ; động vật rừng, sinh khối rừng, trữ lượng các-bon rừng, lượng giảm phát thải khí nhà kính từ rừng góp phần làm cơ sở xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch sử dụng và quản lý bền vững tài nguyên rừng, phát triển kinh tế-xã hội và thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam.

c) Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

- Ứng dụng các tiến bộ trong khoa học, công nghệ trong điều tra rừng đã được Viện luôn luôn quan tâm, đặc biệt là ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS và tin học trong điều tra, xây dựng bản đồ rừng. Đến nay Viện đã có đội ngũ cán bộ, chuyên gia tương đối đông đảo đáp ứng yêu cầu về công tác điều tra trong bối cảnh mới.

- Trong thời gian qua Viện đã thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến điều tra đánh giá tài nguyên rừng, đa dạng sinh học v.v. Đã có trên hơn 100 đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện. Trên 400 báo cáo chuyên đề thuộc các lĩnh vực: Thực vật, Động vật, Lâm học, kinh tế xã hội, tài nguyên rừng v.v.

- Về hợp tác quốc tế, trong hơn 50 năm qua Viện đã hợp tác với nhiều nước và tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực ĐTQHR và đào tạo nhân lực như: Trung Quốc, Liên Xô, Đức, Thụy Điển, Hà Lan, Canada, Lào, Campuchia... Các tổ chức như: FAO, UNDP, IUCN, WWF, SIDA, BIRDLIFE... Hiện Viện đang thực hiện dự án tăng cường năng lực cho Chương trình theo dõi diễn biến tài nguyên rừng (NFA) do FAO hỗ trợ.

d) Các công trình dịch vụ khoa học kỹ thuật

- Bên cạnh công tác điều tra cơ bản, đội ngũ cán bộ điều tra quy hoạch của Viện qua các thời kỳ đã thực hiện rất nhiều các công trình điều tra, thiết kế kinh doanh rừng, quy hoạch phát triển lâm nghiệp cấp vùng, tỉnh, huyện, xã; quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu giấy; trụ mỏ; vùng gỗ lớn... xây dựng phương án điều chế rừng cho các lâm trường trên toàn quốc; quy hoạch hệ thống các khu rừng đặc dụng... Trong 5 năm trở lại đây, hàng năm, các đơn vị ký kết với các địa phương, các công ty, các đối tác triển khai thực hiện hàng trăm công trình dịch vụ khoa học kỹ thuật với tổng kinh phí bình quân từ 40 đến 60 tỷ đồng, chiếm từ 40 - 50% tổng doanh thu. Các công trình dịch vụ tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu, như: Xây dựng kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, xây dựng các phương án quản lý rừng bền vững; điều tra, xây dựng quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng; xây dựng các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng; thiết kế sản xuất kinh doanh

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

1. Phát triển Viện trên cơ sở quán triệt Viện là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tự đảm bảo về chi thường xuyên hướng đến tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, tự chủ thực hiện nhiệm vụ, tự chủ về bộ máy và tự chủ về nhân sự.

2. Phát triển Viện Điều tra, Quy hoạch rừng trên cơ sở yêu cầu đặt ra của Chiến lược phát triển ngành Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 -2030, định hướng phát triển triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021 -2030 và tuân thủ các quy định của Pháp luật, các chủ trương, chính sách có liên quan của Đảng, Nhà nước.

3. Phát triển Viện Điều tra, Quy hoạch rừng trên cơ sở xây dựng, kiện toàn lại cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động theo hướng tự chủ từng bước theo cơ chế doanh nghiệp

4. Phát triển Viện Điều tra, Quy hoạch rừng trên cơ sở đột phá mạnh mẽ về ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, mở rộng hợp tác trong và ngoài nước; nâng cao năng lực cạnh tranh.

5. Phát triển Viện Điều tra, Quy hoạch rừng trên cơ sở kế thừa những thành tựu của 60 năm hình thành và phát triển, phát huy thế mạnh và lĩnh vực trọng tâm; đồng thời đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động và sản phẩm tư vấn dịch vụ, đảm nhận hoàn thành

tốt các nhiệm vụ dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước được Bộ giao, đặt hàng cũng như cung cấp sản phẩm dịch vụ có chất lượng phục vụ nhu cầu xã hội.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu tổng thể

Phát triển toàn diện, đồng bộ xây dựng Điều tra, Quy hoạch rừng trở thành đơn vị vững mạnh, giữ vững vai trò đầu ngành của cả nước về lĩnh vực điều tra, quy hoạch lâm nghiệp; có cơ cấu tổ chức hợp lý, có năng lực chuyên môn cao ngang tầm với các nước trong khu vực; có đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật trình độ cao, có các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong từng lĩnh vực, đảm bảo cơ cấu về độ tuổi; có cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ dịch vụ công và các công trình dịch vụ khoa học kỹ thuật trên phạm vi toàn quốc.

- Đến năm 2030, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ và năng lực thực hiện các công trình điều tra tài nguyên rừng, quy hoạch lâm nghiệp của Viện đạt trình độ tiên tiến ở khu vực Đông Nam Á; đến năm 2050 đạt trình độ tiên tiến ở khu vực Châu Á và một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến quốc tế.

- Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ các công trình điều tra, quy hoạch, nghiên cứu khoa học và hiệu quả chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, định hướng Chiến lược phát triển ngành Lâm nghiệp; đảm bảo tự chủ về tài chính; nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên và người lao động.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Giai đoạn 2021 -2025

a) Hệ thống, cơ cấu tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động đáp ứng yêu cầu Nghị Quyết 19/TW của Ban chấp hành Trung ương đảng khóa XII và Nghị định 141/ND-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được kiện toàn:

- Về tổ chức bộ máy: Thực hiện cơ cấu lại tổ chức bộ máy từ Viện đến các đơn vị trực thuộc, nhằm nâng cao năng lực hoạt động, chuyên môn và nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành; tinh gọn bộ máy, tổ chức. Phấn đấu đến năm 2025 giảm 10%-15% số lượng tổ chức thuộc và trực thuộc Viện.

- 100% đơn vị trực thuộc Viện đảm bảo điều kiện tự chủ chi thường xuyên.

- Về phương thức quản lý, điều hành: Cải tiến phương thức quản lý đảm bảo phát huy tính tự chủ của các đơn vị đồng thời nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong chỉ đạo điều hành, đảm bảo quản lý thống nhất từ Viện đến đơn vị trên cơ sở đúng pháp luật.

- Phát triển Bảo tàng Tài nguyên rừng Việt Nam trở thành một bảo tàng chuyên ngành hàng đầu của ngành Lâm nghiệp.

b) Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, chuyển tiếp liên tục giữa các thế hệ, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tâm huyết với nghề nghiệp, gắn bó lâu dài với Viện đáp ứng các nhiệm vụ được giao:

- Thông qua đào tạo, thu hút, tuyển dụng toàn Viện có 8-10 cán bộ có trình độ tiến sỹ, thông thạo tiếng Anh, làm chủ tối thiểu các lĩnh vực quan trọng trong chức năng, nhiệm vụ của Viện, như: điều tra, phân loại động, thực vật; lâm học; viễn thám, tin học, thống kê; QLRBV và CCR, ...).

- Số lượng cán bộ có trình độ thạc sỹ tăng từ 25% lên 30-35% trên tổng số cán bộ.

c) Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng hiệu quả thực hiện các công trình dịch vụ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao tỷ trọng nguồn thu:

- Nguồn thu của các đơn vị trực thuộc từ hoạt động tư vấn và dịch vụ đạt tỷ trọng 80% trong tổng nguồn thu.

- Tăng cường nguồn lực tại các đơn vị (nhân lực, máy móc thiết bị, cơ chế) đảm bảo để tham gia thực hiện vào các lĩnh vực mới liên quan đến phát triển lâm nghiệp bền vững, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, đánh giá tác động môi trường.

d) Tăng cường nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong hoạt động chuyên môn:

- Hàng năm toàn Viện có ít nhất 1-2 đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ trở lên; 2- 3 đề tài tiềm năng cấp Bộ.

- Đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị hiện đại có độ chính xác cao trong điều tra đánh giá tài nguyên rừng, phân đấu tất cả các tổ điều tra hiện trường sử dụng máy đo đường kính, chiều cao bằng công nghệ sóng siêu âm, laser và thiết bị bay chụp.

- Đầu tư xây dựng được một phòng thí nghiệm có thiết bị hiện đại trong phân tích môi trường rừng và định loài động thực vật rừng bằng mã vạch DNA.

đ) Cơ sở vật chất được đầu tư nâng cấp và sử dụng có hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng nguồn thu:

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc cho ít nhất 2-3 đơn vị có trụ sở làm việc đã xuống cấp.

- Các thiết bị phục vụ sản xuất được đầu tư có trọng điểm, trọng tâm thiết thực phục vụ cho công tác chuyên môn.

- Tài sản công hiện có được quản lý chặt chẽ và khoa học, có phương án cho thuê, liên doanh liên kết để sử dụng có hiệu quả công năng tài sản.

2.2.2. Giai đoạn 2026 -2030 và các năm sau

a) Hệ thống, cơ cấu tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động cơ bản là đơn vị tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư, trong đó có (1-3) đơn vị trực thuộc có thể hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp. Thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức trong toàn Viện đạt mức trung bình khá so với các ngành nghề, lĩnh vực khác.

b) Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được nâng cao về chất lượng đáp ứng các nhiệm vụ được giao và các hoạt động tư vấn dịch vụ trong nước và quốc tế.

c) Cơ sở vật chất trang thiết bị cơ bản được trang bị đầy đủ và hiện đại đáp ứng các yêu cầu cung cấp dịch vụ đa lĩnh vực và chất lượng cao cũng như các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

d) Hoạt động hợp tác quốc tế và khoa học công nghệ được phát huy và nâng cao, phấn đấu tham gia và trở thành thành viên của một số tổ chức chuyên môn quốc tế.

e) Phát triển Bảo tàng Tài nguyên rừng Việt Nam trở thành một bảo tàng chuyên ngành hàng đầu của ngành Lâm nghiệp, định hướng tới năm 2050, đạt bảo tàng hạng I cấp quốc gia.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Kiến toàn bộ máy, cơ cấu tổ chức và phát triển nguồn nhân lực

a) Xây dựng phương án kiến toàn bộ máy hoạt động trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo hướng nâng cao năng lực hoạt động, chuyên môn và nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành, tinh gọn bộ máy, giảm bớt đầu mối, tổ chức. Cơ cấu tổ chức của Viện phân hành 3 khối: (i) khối Văn phòng Viện (ii) khối các Phân viện (iii) khối các Trung tâm và Bảo tàng tài nguyên rừng

- Khối Văn phòng Viện: sắp xếp theo hướng tinh gọn, có vị trí việc làm cơ chế tài chính từ các hoạt động trong toàn Viện

- Khối các Phân viện: Rà soát sắp xếp lại để đảm nhận được vai trò thực hiện các nhiệm vụ theo danh mục sự nghiệp công và dịch vụ phục vụ phát triển ngành bền vững theo vùng sinh thái, phát huy sức mạnh chung toàn Viện; lĩnh vực chuyên môn tập trung vào các hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật và tư vấn, chuyển giao công nghệ về điều tra, quy hoạch, thiết kế sản xuất lâm nghiệp: tạo tối đa quyền tự chủ, phát triển theo hình thức doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý kinh tế, kinh doanh, tiếp thị sản phẩm.

- Khối các Trung tâm và Bảo tàng: Phát huy về các lĩnh vực môi trường lâm nghiệp, bảo tồn, biến đổi khí hậu viễn thám, công nghệ thông tin, bảo tàng

b) Xây dựng phương thức, cơ chế hoạt động, tổ chức quản lý theo quy định, hướng dẫn của Nhà nước trên cơ sở thống nhất quản lý; đồng thời phân cấp ủy quyền phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị tạo điều kiện chủ động và tự chủ trong hoạt động.

c) Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, theo hướng chuyên môn hoá:

+ Hoàn thiện đề án vị trí việc làm, quy định cụ thể yêu cầu chuyên môn, ngoại ngữ phù hợp với từng đối tượng cán bộ làm cơ sở trả lương theo vị trí việc làm.

+ Xây dựng quy chế, cơ chế cụ thể nhằm thu hút, phát hiện, đào tạo và hỗ trợ những cán bộ có năng lực trở thành những nhà khoa học, cán bộ đầu ngành chuyên sâu của các khối đơn vị.

2. Tăng cường hoạt động và ứng dụng khoa học công nghệ

a) Xây dựng kế hoạch tăng cường hoạt động khoa học công nghệ

- Có kế hoạch và phương án cụ thể cả giai đoạn và hàng năm tổ chức đăng ký với các Bộ, ngành và các địa phương và thực hiện các đề tài, nhiệm vụ khoa học liên quan đến lĩnh vực phát triển rừng; điều tra, đánh giá giám sát tài nguyên rừng, giảm phát thải, ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tập trung nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào hoạt động chuyên môn của Viện, đặc biệt là lĩnh vực viễn thám, GIS.

- Ưu tiên tối đa việc ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thực hiện các nhiệm vụ (dịch vụ công và dịch vụ KHKT) thể hiện trong hồ sơ đề xuất thực hiện các nhiệm vụ.

- Xây dựng Quỹ xúc tiến hoạt động nghiên cứu khoa học

- b) Xây dựng Phòng thí nghiệm, nghiên cứu thực nghiệm về phân loại động thực vật rừng; phân tích môi trường rừng trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến.

3. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ

- a) Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ

- Tiếp tục duy trì các lĩnh vực truyền thống về điều tra, quy hoạch, thiết kế lâm nghiệp; trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, địa bàn hoạt động, tập trung phát triển một số lĩnh vực mũi nhọn, kết hợp đầu tư nguồn lực bao gồm con người và thiết bị, công nghệ tiên tiến với phương pháp tiếp cận thực hiện có hàm lượng khoa học cao.

- Mở rộng các hoạt động tư vấn dịch vụ mới như nghiên cứu, đánh giá môi trường, tác động biến đổi khí hậu, phân tích đánh giá phát thải, hấp thụ khí nhà kính, giống và công nghệ phát triển rừng...

- b) Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, chất lượng công trình: Để đảm bảo uy tín, thương hiệu và phát triển Viện bền vững, chất lượng công trình, tiến độ thực hiện là một nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển.

4. Tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị

- a) Đầu tư cải tạo nâng cao cơ sở vật chất và trang thiết bị

- Trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và triển khai thực hiện 2-3 dự án ưu tiên.

- Sử dụng các nguồn kinh phí khác nhau, ưu tiên mua sắm trang thiết bị hiện đại và đồng bộ để thực hiện có hiệu quả các công trình, nhiệm vụ.

- b) Quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản

- rà soát, đánh giá tài sản đất, các công trình kiến trúc, phương tiện máy móc, thiết bị, phần mềm hiện làm cơ sở quản lý và sử dụng có hiệu quả.

- Triển khai việc quản lý tài sản trên hệ thống cơ sở dữ liệu chung toàn Viện.

5. Tăng cường hoạt động bảo tàng

- a) Xây dựng hoàn thiện bộ máy hành chính và đào tạo nguồn nhân lực.

- Bộ máy hành chính tại Bảo tàng TNRVN được đảm bảo vận hành tốt, hướng tới phục vụ tốt công tác chuyên môn một cách nhanh chóng, kịp thời về mặt thủ tục và kinh phí cũng như phương tiện công tác ngoại nghiệp.

- Lực lượng cán bộ viên chức và người lao động của Bảo tàng được đào tạo thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hướng tới hình thành đội ngũ chuyên gia có chuyên môn sâu, rộng trong lĩnh vực bảo tàng, về rừng, đa dạng sinh

học và lĩnh vực liên quan khác, về lâu dài có thể hỗ trợ công tác bảo tồn, bảo tàng về tài nguyên rừng trong toàn quốc.

b) Thu thập bổ sung và bảo quản tốt mẫu vật hiện có

- Đến năm 2030, hơn 20 nghìn mẫu vật về tài nguyên rừng và tư liệu lịch sử phát triển ngành lâm nghiệp Việt Nam được thu thập bổ sung.

- Đến năm 2030, khoảng 40.000 mẫu vật được xử lý và bảo quản tốt hơn, đảm bảo chuẩn hóa được toàn bộ bộ mẫu sưu tập đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam và Quốc tế.

c) Nâng cấp cơ sở vật chất toàn bộ hệ thống của Bảo tàng, bao gồm

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho khu trưng bày trong nhà và ngoài trời.

- Đầu tư trang thiết bị khu xử lý, bảo quản mẫu vật.

- Cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị khu làm việc của Bảo tàng TNRVN.

e) Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu gắn với tuyên truyền, giáo dục với các nhiệm vụ:

- Số hoá cơ sở dữ liệu về bộ sưu tập mẫu vật, thông tin về hệ thống mẫu vật và các thông tin liên quan, đảm bảo có khả năng cung cấp dữ liệu, thông tin chính thức và chuyên sâu về đa dạng sinh học rừng của Việt Nam

- Hoàn thiện và triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cộng đồng về bảo vệ tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, quảng bá về ngành Lâm nghiệp Việt Nam.

g) Tăng cường nghiên cứu khoa học và hợp tác phát triển trong nước, quốc tế, bao gồm:

- Đề xuất và triển khai các đề tài/ dự án nghiên cứu khoa học, các hệ thống định mức ngành và tiêu chuẩn quốc gia.

- Hợp tác với các cơ sở bảo tàng lâm nghiệp, tiến tới hình thành được mạng lưới bảo tàng tài nguyên rừng trên toàn quốc, bao gồm hệ thống các bảo tàng, các phòng tiêu bản, các vườn thực vật ở các trường đại học, các viện nghiên cứu và hệ thống rừng đặc dụng ở Việt Nam.

6. Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế

a) Xây dựng kế hoạch, chiến lược hợp tác quốc tế cho từng giai đoạn 5 năm trên cơ sở xác định các lĩnh vực ưu tiên, như: điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng; biến đổi khí hậu, và môi trường sinh thái; ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng.

b) Xây dựng quy chế, cơ chế trên cơ sở đổi mới cơ chế hợp tác quốc tế, mở rộng quyền tự chủ, khuyến khích các đơn vị và cá nhân tham gia đề xuất và thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế.

c) Hình thành các đối tác chiến lược: Trên cơ sở các đối tác truyền thống, tích cực tiếp xúc với các tổ chức quốc tế nhằm tìm kiếm, thực hiện các dự án hợp tác nghiên cứu song phương tiềm năng với các nước.

d) Chủ động đề xuất các dự án, chương trình hợp tác quốc tế với Bộ để tìm kiếm nguồn tài trợ và thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế. Giai đoạn 2021 -2030 cố gắng có từ 2-4 dự án HTQT được phê duyệt thực hiện.

7. Đổi mới, tăng cường công tác quản lý tài chính

a) Xây dựng Phương án tự chủ tài chính cho các giai đoạn trên cơ sở Nghị định 141; Phương án quản lý tài chính theo cơ chế doanh nghiệp.

b) Tham gia xây dựng hệ thống định mức KTKT, giá dịch vụ sự nghiệp công.

c) Xây dựng và hướng dẫn các đơn vị xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở các quy định hiện hành đồng thời có bước đột phá trong chi trả tiền lương, tiền công theo vị trí việc làm và năng suất, hiệu quả công việc.

d) Xây dựng Đề án sử dụng tài sản công vào cho thuê, liên doanh, liên kết nhằm khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất và nguồn lực hiện có để tăng nguồn thu.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tổ chức

a) Xây dựng và trình Bộ phê duyệt đề án hoàn chỉnh bộ máy, tổ chức của Viện và các đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn và hoạt động hiệu quả để tổ chức thực hiện;

b) Các đơn vị thuộc Viện xây dựng và trình cấp thẩm quyền phê duyệt đề án sắp xếp bộ máy hoạt động, phân định rõ các bộ phận nghiệp vụ, chuyên môn, đề xuất việc điều chỉnh sắp xếp lại tổ chức bộ máy hợp lý, thống nhất.

c) Xây dựng đề án vị trí việc làm xác định chức danh nghề nghiệp, yêu cầu năng lực.

2. Giải pháp nâng cao năng lực

a) Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ theo hướng đồng bộ, cân đối về cơ cấu trên từng lĩnh vực, chuyên ngành, phù hợp với sự phát triển của từng đơn vị và định hướng chung của Viện. Gắn đào tạo với thực hiện các nhiệm vụ, với các cơ sở đào tạo của ngành, với các hoạt động hợp tác quốc tế, chú trọng tới đào tạo chuyên sâu, đào tạo chuyên gia đầu đàn. Tạo cơ chế thu hút chuyên gia giỏi ở các đơn vị trong nước và tổ chức quốc tế phối hợp nghiên cứu, đào tạo;

b) Rà soát, điều chỉnh quy chế tuyển dụng cán bộ phù hợp với yêu cầu phát triển Viện với các tiêu chí cụ thể cho cán bộ kỹ thuật (trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ...), cán bộ quản lý (các chứng chỉ, bằng cấp cần có); Tuyển đặc cách những người có trình độ, kinh nghiệm;

c) Tạo môi trường làm việc mang tính cạnh tranh lành mạnh, công bằng, trọng dụng, tạo cơ hội cho các cán bộ trẻ phát triển. Chú trọng phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng những cán bộ có tiềm năng trở thành những nhà khoa học chủ chốt trong từng lĩnh vực;

3. Giải pháp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật

a) Từng bước xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật các cơ sở thí nghiệm, đào tạo, nhà làm việc, hạ tầng công nghệ thông tin, thông tin khoa học và công nghệ:

- Đến năm 2025, đề xuất xây dựng xong Phòng thí nghiệm về môi trường lâm nghiệp và phân loại thực vật bằng mã vạch bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và tranh thủ nguồn vốn ngân sách và các nguồn tài trợ, vận động nguồn vốn từ các tổ chức phi chính phủ, nguồn vốn ODA thông qua các dự án hợp tác quốc tế.

- Ưu tiên cải tạo xây dựng trụ sở làm việc tại một số phân viện mà trụ sở làm việc đã xuống cấp không đảm bảo an toàn và công năng làm việc.

b) Thực hiện các dự án đầu tư trang thiết bị xử lý, chế tác và bảo quản mẫu vật động thực vật rừng và tư liệu ngành lâm nghiệp theo Đề án phát triển Bảo tàng Tài nguyên rừng Việt Nam giai đoạn 2021 -2030.

c) Xây dựng đồng bộ phần mềm phục vụ quản lý về tổ chức cán bộ, tài sản, kế hoạch, tài chính; thư viện điện tử.

4. Giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm

a) Đổi mới phương thức giám sát, kiểm tra đánh giá từ đề xuất, xây dựng đề cương kỹ thuật đến giám sát quá trình thực hiện đến kiểm tra nghiệm thu. Xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng công trình điều tra, quy hoạch lâm nghiệp áp dụng cho các công trình, bao gồm các nhiệm vụ dịch vụ công sử dụng NSNN và các công trình dịch vụ khoa học kỹ thuật.

b) Chủ động đề xuất xây dựng và ban hành các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn quốc gia về các hoạt động và sản phẩm điều tra tài nguyên rừng, bảo tàng, bảo quản mẫu vật.

c) Xây dựng quy chế, cơ chế thực hiện các công trình dịch vụ khoa học kỹ thuật trên cơ sở mở rộng quyền tự chủ; phát huy sức mạnh chung toàn Viện và kiểm soát chất lượng công trình; đồng thời có sự hỗ trợ và giám sát về chất lượng công trình chung từ Viện đến đơn vị.

5. Giải pháp đổi mới phương thức hợp tác quốc tế

a) Xây dựng kế hoạch hợp tác với các đối tác chiến lược trong từng lĩnh vực, chủ yếu tập trung vào các nước, các tổ chức quốc tế uy tín về lĩnh vực lâm nghiệp và điều tra quy hoạch tài nguyên rừng;

b) Duy trì và phát triển hợp tác với các đối tác, mạng lưới quốc tế đã có (FAO, UNDP, Synva Carbon, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Phần Lan). Đa dạng hóa các hình thức hợp tác quốc tế.

c) Tăng cường hợp tác, chuyển giao khoa học công nghệ về điều tra, đánh giá tài nguyên rừng với các nước trong khu vực, đặc biệt là Lào, Campuchia;

d) Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu và đào tạo thông qua thực hiện các dự án phối hợp và cùng chia sẻ kinh phí trên cơ sở nâng cao năng lực tư vấn và đầu tư quốc tế;

đ) Xây dựng quy chế phối hợp, gắn kết giữa các đơn vị, giữa Viện với các đơn vị; có cơ chế chính sách khuyến khích các đơn vị và cá nhân tham gia hợp tác quốc tế.

6. Giải pháp đổi mới cơ quản lý kế hoạch và chế tài chính

a) Từng đơn vị xây dựng các kế hoạch hoạt động bám thị trường lâu dài nhằm phát triển và hoàn thiện các công nghệ mũi nhọn của Viện và của từng đơn vị, từng bước xây dựng khẳng định và phát huy thương hiệu của Viện;

b) Có cơ chế tài chính, cơ chế phân phối thu nhập phù hợp, đảm bảo hài hòa giữa quyền lợi và nghĩa vụ của các bộ phận, đối tượng trong chuỗi các hoạt động tham gia thực hiện các nhiệm vụ;

c) Có cơ chế tạo sự chủ động về tài chính cho các đơn vị phù hợp theo hướng đầu tư lâu dài và bền vững cho phát triển khoa học và công nghệ nhằm hình thành và phát triển các công nghệ mũi nhọn của Viện; cơ chế khuyến khích cho cán bộ tạo ra công nghệ; rà soát, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ cho các hoạt động chung của Viện;

đ) Nghiên cứu xây dựng và lập kế hoạch, quy chế quản lý Quỹ xúc tiến hoạt động nghiên cứu khoa học của Viện nhằm tạo ra các công nghệ mũi nhọn và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ.

e) Quản lý các hoạt động của Viện theo ISO.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Viện Điều tra, Quy hoạch rừng

Viện Điều tra, Quy hoạch rừng có trách nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện Chiến lược;
- Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược theo kế hoạch;
- Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ về kết quả thực hiện Chiến lược của Viện và của các đơn vị trực thuộc.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước của Bộ

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Viện Điều tra, Quy hoạch rừng thực hiện Chiến lược, cụ thể:

2.1. Vụ Tổ chức cán bộ

- Chủ trì hướng dẫn Viện xây dựng phương án về tổ chức cán bộ, sắp xếp lại cơ cấu các đơn vị thuộc Viện và bộ máy quản lý.

- Chủ trì, đôn đốc theo dõi đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược.

- Phối hợp các cơ quan liên quan trong việc hướng dẫn, thẩm định phê duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật và giá các nhiệm vụ dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực điều tra, quy hoạch, kiểm kê, thống kê và bảo tàng, bảo quản mẫu vật thuộc lĩnh vực lâm nghiệp trên cơ sở tính đúng, tính đủ làm cơ sở giao đặt hàng cho Viện.

2.2. Vụ Kế hoạch

Trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 -2025 Viện đã đề xuất, Vụ Kế hoạch chủ trì xem xét các dự án ưu tiên tổng hợp trình Bộ phê duyệt chủ trương đầu tư tạo điều kiện cho Viện đảm bảo nguồn lực để có thể hoạt động tự chủ trong giai đoạn tới.

2.3. Vụ Tài chính

Hướng dẫn Viện trong công tác quản lý tài chính, kế toán trong quá trình chuyển đổi cơ chế sang tự chủ chi thường xuyên, tự chủ toàn bộ và sang cơ chế doanh nghiệp.

Phối hợp các cơ quan liên quan trong việc hướng dẫn, thẩm định phê duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật và giá các nhiệm vụ dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực điều tra, quy hoạch, kiểm kê, thống kê và bảo tàng, bảo quản mẫu vật thuộc lĩnh vực lâm nghiệp trên cơ sở tính đúng, tính đủ làm cơ sở giao đặt hàng cho Viện.

2.4. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc hướng dẫn, thẩm định phê duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật và giá các nhiệm vụ dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực điều tra, quy hoạch, kiểm kê, thống kê và bảo tàng, bảo quản mẫu vật thuộc lĩnh vực lâm nghiệp trên cơ sở tính đúng, tính đủ làm cơ sở giao đặt hàng cho Viện.

2.5. Vụ Hợp tác quốc tế

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng; tranh thủ các nguồn lực góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển Viện.

2.6. Tổng cục Lâm nghiệp

Hướng dẫn, hỗ trợ Viện triển khai thực hiện nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ và năng lực và theo quy định của Pháp luật. Trên cơ sở các quy định của Nhà nước, nghiên cứu thủ tục giao, đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ thuộc danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

Viện Điều tra, Quy hoạch rừng kính trình và đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (b/c)
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Lưu: VT, KHTC (6b).

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Nghĩa Biên